

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2017/HSST

Ngày : 26/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Lâm

2/ Ông Đặng Văn Quý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 175/2017/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ H; giới tính: nữ; sinh năm: 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 120/10 đường T, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số nhà 120/10 đường T, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: giúp việc nhà; trình độ học vấn: 5/12; con ông: Nguyễn Văn T và bà: Hà Thị T; chồng: Nguyễn Trọng K; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: ngày 28/5/2017.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Bà Lục Thị Bích Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: số nhà 120/3 đường T, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: 120/10 đường T, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Dương Quốc H, sinh năm 1961

Địa chỉ: 339/47 đường N, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 27/5/2017, bà Lục Thị Bích Đ phát hiện bị mất tiền, vàng nên đã trình báo sự việc với Công an. Qúa điều tra xác minh xác định được: Nguyễn Thị H giúp việc nhà cho bà Lục Thị Bích Đ tại nhà số 120/3 đường T, Phường 12, quận T từ tháng 6/2016, làm việc từ 9 giờ đến 12 giờ các ngày thứ hai, thứ tư và thứ sáu hàng tuần. H có nhiệm vụ dọn dẹp nhà của bà Đ từ trên lầu xuống đất, do đó tất cả các phòng trong nhà H đều ra vào được vì các phòng chỉ đóng cửa, không khóa.

Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 26/5/2017, bà Đ không có ở nhà, chỉ còn cô giúp việc nhà tên Hmet Bya đang chăm sóc mẹ bà Đ dưới tầng trệt. Trong lúc H dọn dẹp lau chùi phòng của bà Đ tại lầu 1 thì nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà Đ để có tiền trả nợ. H đến tủ quần áo của bà Đ mở tủ lấy chìa khóa mà bà Đ giấu trên ngăn tủ phía trên, khi lấy được chìa khóa H dùng chìa khóa mở khóa học tủ nhỏ phía trên thì thấy có một cái bóp màu đỏ sọc trắng, H mở bóp thì thấy bên trong có một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng được cột lại bằng dây thun, H rút bớt một ít cát vào túi quần đang mặc rồi để số tiền còn lại vào vị trí cũ, khóa học tủ và đem chìa khóa bỏ lại vị trí cũ rồi đóng tủ lại. Sau khi lấy được tiền, H về nhà tại địa chỉ số nhà 120/10 đường T, Phường 12, quận T đem ra đếm được 5.000.000 đồng (10 tờ mệnh giá 500.000 đồng). Số tiền này H cho con gái tên Nguyễn Thị Thanh H mượn 2.000.000 đồng để đóng tiền nhà trọ, cá nhân H tiêu xài hết 2.500.000 đồng, còn lại 01 tờ 500.000 đồng H cất vào túi vải màu hồng để trên bàn ở trên gác nhà H (đã thu hồi).

Ngoài ra H còn khai nhận vào khoảng 02 tháng trước, H vào phòng của bà Đ mở tủ quần áo của bà Đ rồi mở học tủ nhỏ và phát hiện bên trong một túi vải nhỏ màu đỏ có đựng vàng và đã 6 lần lấy trộm vàng, gồm: Lần thứ nhất lấy 01 miếng vàng 05 chỉ vàng 9999; Lần thứ 2 lấy 1 miếng vàng 05 chỉ vàng 9999; lần thứ 3 lấy 01 miếng vàng 9999; lần thứ 4 lấy 01 miếng 01 lượng vàng 9999; lần thứ 5 lấy 01 miếng 2 chỉ vàng 9999, lần thứ 6 lấy 01 miếng vàng 02 chỉ vàng 9999 (tổng cộng 6 lần là 3,4 lượng vàng 24K loại 9999), mỗi lần lấy cách nhau 4-6 ngày, không nhớ rõ thời gian. Sau khi lấy trộm được vàng của bà Đ, H mang đến tiệm vàng Kim Thành, địa chỉ số 40 đường Hoàng Hoa Thám, Phường 12, quận Tân Bình bán 02 miếng vàng mỗi miếng 05 chỉ vàng 9999 với giá mỗi miếng 17.000.000 đồng và đến tiệm vàng Kim Thành, địa chỉ số 107 đường Tân Kỳ Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú bán 02 miếng vàng mỗi miếng 01 lượng vàng 9999 với giá mỗi miếng 35.000.000 đồng và 02 miếng vàng mỗi miếng 02 chỉ vàng 9999 với giá mỗi miếng 6.000.000 đồng. Tổng số tiền bán vàng là 116.000.000 đồng. Số tiền bán vàng H trả nợ cho những người H đã vay ngoài xã hội hết 76.000.000 đồng trong đó có trả cho Dương Quốc H số tiền 2.000.000đ (những người còn lại không xác định được lai lịch), sau khi trả nợ còn lại 40.000.000 đồng, H tiêu xài cá nhân hết.

Kết quả định giá trong tố tụng hình sự tổng giá trị tài sản Nguyễn Thị H chiếm đoạt của bà Đào là 123.660.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh H (con gái Hải) khai nhận không biết số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị H cho mượn là do phạm tội mà có, khi biết được sự việc H đã tự nguyện giao nộp lại, nên không có căn cứ xử lý Nguyễn Thị Thanh H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Dương Quốc H khai nhận không biết số tiền 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Thị H trả nợ cho mình là do phạm tội mà có, khi biết được sự việc Dương Quốc H đã tự nguyện giao nộp lại, nên không có căn cứ xử lý Dương Quốc H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với bà Phạm Thị Anh T, kinh doanh vàng tại địa chỉ số 40 đường H, Phường 12, quận T, không thừa nhận đã mua 02 miếng vàng mỗi miếng 05 chỉ vàng 9999 từ Nguyễn Thị H. Quá trình điều tra không chứng minh được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Phạm Thị Anh T nên không có cơ sở để khởi tố điều tra.

Đối với bà Nguyễn Phi P, kinh doanh vàng tại địa chỉ số 107 đường T, phường T, quận T không thừa nhận đã mua 02 miếng vàng mỗi miếng 01 lượng vàng 9999 và 2 miếng vàng mỗi miếng 2 chỉ vàng 9999 từ H. Quá trình điều tra không chứng minh được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Nguyễn Phi P nên không có cơ sở để khởi tố điều tra.

Tại bản cáo trạng số 135/CTr-VKS ngày 07 tháng 9 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay, sau phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, đồng thời đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 5 năm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và khai:

Do bản thân nợ tiền của một số đối tượng ngoài xã hội không có tiền trả nên trong quá trình đến phụ giúp việc nhà cho gia đình bà Đ, bị cáo phát hiện sự sơ hở của bà Đ trong việc cất giữ tiền nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và bị cáo đã 7 lần trộm cắp tài sản của bà Đ, lấy được tổng cộng 3 lượng 4 chỉ vàng 24K loại 9999 và 5.000.000 đồng tiền mặt, cụ thể ngày 26/5/2017 lấy trộm được 5.000.000 đồng; trước ngày 26/5/2017 khoảng 2 tháng (không nhớ chính xác ngày giờ) cứ khoảng 4 đến 6 ngày bị cáo lấy trộm vàng của bà Đ 1 lần và lấy tất cả 6 lần tổng cộng được 3 lượng 4 chỉ vàng 24K loại 9999. Số tài sản lấy trộm sau khi đem bán bị cáo dùng một số trả nợ, một số bị cáo sử dụng tiêu xài cho cá nhân. Khi bị cáo đem bán tài sản, cho con bị cáo mượn 2000.000 đồng và trả nợ cho những người bị cáo mượn bị cáo không nói cho họ biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn, không có tiền trả nợ nên bị cáo đã làm liều. Tuy nhiên kể từ ngày bị bắt đến nay bị cáo đã rất hối hận và ăn năn, mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo đã tác động nhờ gia đình, chồng, con, anh, em, cháu chắt của bị cáo hỗ trợ đề bồi thường lại cho người bị hại và đến nay đã bồi thường xong cho người bị hại, người bị hại đã thông cảm và cũng làm đơn bãi nại cho bị cáo. Vì vậy bị cáo mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, căn cứ các điều luật tương ứng do Bộ luật hình sự quy định. Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ cơ sở pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do tham lam, muốn thỏa mãn nhu cầu của cá nhân nên đã cố ý phạm tội, bị cáo phạm tội nhiều lần (07 lần) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Vì vậy cần xử bị cáo mức án phù hợp mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; người bị hại đã làm đơn bãi nại cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có địa chỉ cư trú rõ ràng, có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 01/2013/ NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình cho bị cáo được hưởng án treo như Viện kiểm sát đề nghị.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại cho biết đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại. Hiện nay không có yêu cầu, thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không có gì phải giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Quốc H vắng mặt nhưng căn cứ vào hồ sơ vụ án xét thấy số tiền 2000.000 đồng bị cáo trả nợ cho ông H, ông đã nộp lại cho cơ quan điều tra và hiện nay ông không có thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không có gì phải giải quyết .

Về vật chứng:

Đối với 01 cái túi màu hồng, bên trong có một cuốn sổ kinh nhà thờ Tân Định H dùng để kẹp tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng thu của bị cáo. Xét thấy không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy

Đối với 10 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thanh H nộp lại; 04 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng do ông Dương Quốc H nộp lại . Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho người bị hại. Hiện không có ai thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xét lại.

Đối với 01 cái túi vải màu đỏ cam nhỏ, bên trong có một cái bóp màu xanh bà Đ dùng để cất vàng trong nhà; 01 cái bóp màu đỏ sọc trắng, bà Đ dùng để cất cọc tiền 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại là bà Lục Thị Bích Đ. Hiện nay không có ai thắc mắc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xét lại.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009

Xử phạt: NGUYỄN THỊ H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự:

Hội đồng xét xử tuyên bố trả tự do ngay cho bị cáo Nguyễn Thị H nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội nào khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Áp dụng khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 cái túi màu hồng, bên trong có một cuốn sổ kinh nhà thờ Tân Định Hải (tình trạng theo phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình)

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận :

- Bị cáo; bị hại; NLQ;
- Công an quận Tân Bình;
- VKS QTB, VKS TPHCM ;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- Phòng PC27, Sở Tư pháp TPHCM;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Trí

